

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỒ SƠ
CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 03/2020-PT

Tên sản phẩm: TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG
Địa chỉ : Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn,
tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Điện thoại : (+84) 253 3 752 666
Website : [Http://phutuongcorp.com](http://phutuongcorp.com)

Quảng Nam, tháng 4 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số 03:2020/PT

Thương nhân : CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG

Địa chỉ : Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : (+84) 235 3 752 666

Website : <http://phutuongcorp.com>

CÔNG BỐ

Tiêu chuẩn cơ sở số : TCCS 03:2020/PT

Áp dụng cho sản phẩm : TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH

Xuất xứ : Việt Nam

Chúng tôi cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn cơ sở đã công bố trên đây và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước về những vi phạm đối với những tiêu chuẩn chất lượng đã công bố.

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2020


ĐINH DUY PHÚ



CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh

Quảng Nam

Mã số thuế: 4000933596

Điện thoại: (+84) 235 3 752 666


TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 03:2020/PT

TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH

Quảng Nam, ngày 04 tháng 04 năm 2020

GIAM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MAY
PHÚ TƯỜNG
G.T. ĐIỆN BÀN - T. QUẢNG NAM



ĐINH DUY PHÚ



MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tài liệu tham khảo	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
3.1 Quy định chung	1
3.2 Thành phần	2
3.3 Hình dáng và kích thước cơ bản	2
3.4 Yêu cầu đối với vật liệu	2
3.5 Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng	3
3.5.1 Yêu cầu các chỉ tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của Áo – mũ – quần	3
3.5.2 Yêu cầu các tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của giấy	3
3.5.3 Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng của khẩu trang	
Bảng 1: Các chỉ tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của khẩu trang y tế	4
Bảng 2- Hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo	5
3.5.4 Yêu cầu các chỉ tiêu kỹ thuật của găng tay cao su y tế	5
4. Đặc tính sản phẩm	5
5. Thời hạn sử dụng	6
6. Hướng dẫn sử dụng	6
7. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản	6
7.1 Quy cách bao gói và chất liệu bao gói	6
7.2 Ghi nhãn	7
7.3 Vận chuyển	8
7.4 Bảo quản	8
Phụ lục 1: Hình ảnh sản phẩm	9
Phụ lục 2: Nội dung nhãn sản phẩm	10



LỜI MỞ ĐẦU

- TCCS 03:2020/PT được xây dựng trên cơ sở tham khảo “Hướng dẫn chung về thể hiện nội dung và trình bày tiêu chuẩn” của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng.
- Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc “Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”.
- TCCS 03:2020/PT được giám đốc CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG công bố tại quyết định số: 03 -2020/QĐ–PT ngày 03 tháng 04 năm 2020.

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xây dựng và công bố tiêu chuẩn áp dụng

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006.
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 do Chủ tịch quốc hội công bố ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Căn cứ theo giấy phép kinh doanh số: 4000933596 Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 06 năm 2013.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố tiêu chuẩn áp dụng:

Tiêu chuẩn: TCCS 03:2020/PT


Áp dụng cho sản phẩm: TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH

Điều 2: Các phòng ban có liên quan của doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tất cả các phòng ban có liên quan;
- Lưu.


ĐINH DUY PHÚ

TÊU CHUẨN CƠ SỞ

SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NAM		TCCS 03:2020/PT
CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG	TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH	Có hiệu lực: Kể từ ngày ký

(Ban hành kèm theo quyết định số 03-2020/QĐ – PT ngày 03 tháng 04 năm 2020 của Giám đốc CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG. Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH).

1. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm **Trang phục chống dịch** dùng cho nhân viên y tế và cộng sự khi tham gia phòng chống dịch. Sản phẩm của **CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG**; Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về “Nhãn hàng hóa”.
- Nghị định 134/2007/NĐ-CP ngày 15/08/2007 của Chính phủ - quy định về đơn vị đo lường chính thức.
- Nghị định 115/2009/NĐ-CP ngày 05/06/2009 của Chính phủ - quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công Nghệ về việc “Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1. Quy định chung:

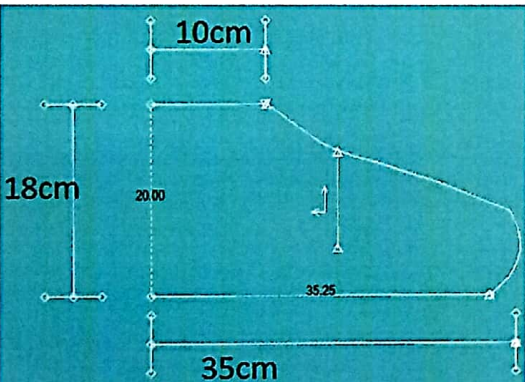
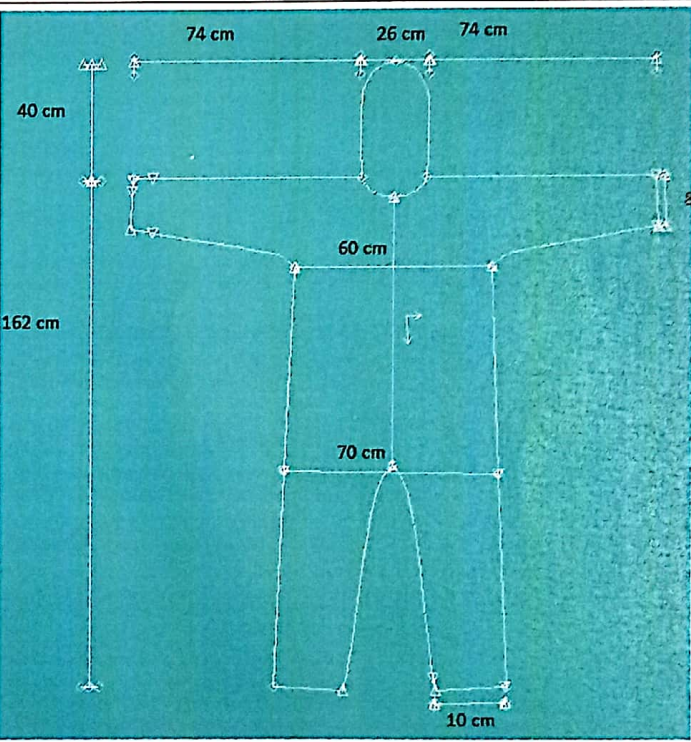
- Trang phục không được gây dị ứng da cho người sử dụng.
- Đường chỉ may không còn đầu chỉ xơ vải và không có lỗi ngoại quan, không rách.
- Các phần viền chun ôm khít các bộ phận của cơ thể.
- Các phần Áo – mũ – quần được may liền với nhau, nối với nhau bằng dây kéo.

3.2. Thành phần: Trang phục chống dịch gồm:

- Áo – Mũ liên Quần bằng vải không dệt thấu khí, không thấm.
- Giày từ chất liệu vải không dệt thấu khí, không thấm.
- Kính bảo hộ
- Găng tay cao su y tế, vô trùng
- Khẩu trang y tế

3.3. Hình dáng và kích thước cơ bản:

Thông số kỹ thuật của Trang phục chống dịch

Giày	Áo – mũ – quần
	

3.4. Yêu cầu đối với vật liệu.

- Lốp vải: sử dụng vải không dệt, không thấm, thấu khí, độ co giãn tốt, không rách
- Chỉ may: màu sắc phù hợp, phải có độ bền kéo đứt tốt.
- Dây kéo: bằng nhựa, cần bền chắc, có kích thước và màu răng khóa cũng như nền bằng vải phù hợp với độ dày, màu vải và vị trí may khóa. Được may chắc chắn, không bị lỏng.
- Dây viền cổ tay, cổ chân, mặt: dùng loại dây có tính đàn hồi, ví dụ: dây chun, giúp cho việc bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân xâm nhập, thuận tiện cho các thao tác hoạt động.

- Găng tay cao su: vô trùng, độ kéo dãn tốt, không bị thủng rách.

3.5. Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng:

Các chỉ tiêu kỹ thuật của **Trang phục chống dịch** phù hợp với các yêu cầu ghi trong bảng sau:

3.5.1. Yêu cầu các chỉ tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của Áo – mũ – quần:

STT	Tên các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Mật độ mũi chỉ may	mũi/10cm	27 - 32	TCVN 6054 : 1995
2	Độ bền kéo đứt <ul style="list-style-type: none"> • Theo chiều dọc • Theo chiều ngang 	N	48 – 52 97 – 101	ISO 9073-3:1989
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	0,17	Tk-TCVN 8389-1:2010
4	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	1,0	Tk-TCVN 8389-1:2010
5	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,12	Tk-TCVN 8389-1:2010
6	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/kg	0,1	Tk-TCVN 8389-1:2010
7	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	Tk-TCVN 8389-1:2010

3.5.2. Yêu cầu các tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của giày:

STT	Tên các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Mật độ mũi chỉ may	mũi/10cm	32 – 36	TCVN 6054 : 1995
2	Độ bền kéo đứt <ul style="list-style-type: none"> • Theo chiều dọc • Theo chiều ngang 	N	106 – 110 62 – 66	ISO 9073-3:1989

3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	0,17	Tk-TCVN 8389-1:2010
4	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	1,0	Tk-TCVN 8389-1:2010
5	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,12	Tk-TCVN 8389-1:2010
6	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/kg	0,1	Tk-TCVN 8389-1:2010
7	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	Tk-TCVN 8389-1:2010

3.5.3. Yêu cầu các chỉ tiêu của khẩu trang:

Bảng 1– Các chỉ tiêu kỹ thuật và Giới hạn cho phép các nguyên tố kim loại nặng của khẩu trang y tế:

STT	Tên các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Hiệu suất lọc đối với sương dầu ở chế độ thổi khí 30 lít/phút, không nhỏ hơn	%	15	TCVN 8389 – 1: 2010
2	Trở lực hô hấp (ΔP), ở chế độ thổi khí 30 lít/phút, không lớn hơn	mmH ₂ O	9	TCVN 8389 – 1: 2010
3	Giới hạn trường nhìn, không lớn hơn	%	6	TCVN 8389 – 1: 2010
4	Khối lượng, không lớn hơn	g	10	TCVN 8389 – 1: 2010
5	Hoạt tính kháng khuẩn	-	Có khả năng kháng khuẩn ở mức chấp nhận được	AATCC 147 : 2016
6	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	0,17	TCVN 8389-1:2010
7	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	1,0	TCVN 8389-1:2010
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,12	TCVN 8389-1:2010

9	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/kg	0,1	TCVN 8389-1:2010
10	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	TCVN 8389-1:2010

Bảng 2- Hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo

Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng
Hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo	Sản phẩm có hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo phù hợp quy định về Hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may theo quy định tại QCVN 01:2017/BCT đối với sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da.

3.5.4. Yêu cầu các chỉ tiêu kỹ thuật của găng tay cao su y tế trước khi già hóa nhanh:

STT	Tên các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Độ kín nước (lỗ thủng)	-	Không được có	TCVN 6344:2007
2	Lực kéo đứt, không nhỏ hơn	N	9,0	TCVN 4509:2013
3	Độ giãn dài khi đứt, không nhỏ hơn	%	600	TCVN 4509:2013
4	Lực kéo đứt khi giãn 300%, không lớn hơn	N	3,0	TCVN 4509:2013

4. Đặc tính sản phẩm:

✓ **Trang phục chống dịch** gồm 5 phần chính:

- Phần 1: Áo – mũ – quần liền nhau bằng vải không dệt thấu khí, không thấm. Với chất liệu là vải không dệt loại vải được cấu tạo từ hạt nhựa tổng hợp và một số thành phần khác được liên kết với nhau bằng chất kết dính, được kéo thành sợi và kết hợp

với nhau thành những tấm vải mỏng không trải qua quá trình dệt nên có các đặc tính ưu việt chuyên dụng như rất nhẹ, mỏng và xốp, có độ bền và khả năng chịu lực rất tốt. Do đó một trong những ứng dụng hiệu quả của chúng là được làm trang phục bảo hộ trong y tế.

- Phần 2: Giày từ chất liệu vải không dệt, không thấm, thấu khí, giúp bảo vệ cơ thể tối đa khỏi sự xâm nhập của vi khuẩn.

- Phần 3: Kính bảo hộ trong bộ trang phục chống dịch giúp ngăn các tác nhân có thể bắn vào mắt, bảo vệ cơ thể triệt để.

- Phần 4: Găng tay cao su y tế, với chất liệu từ cao su đã vô trùng, độ kéo giãn tốt, khả năng chống thấm tối ưu và ôm sát từng ngón tay giúp người sử dụng thuận tiện hơn trong các hoạt động, đồng thời giúp bảo vệ đôi tay khỏi các tác nhân bên ngoài.

- Phần 5: Khẩu trang y tế với chất liệu từ vải không dệt và cấu tạo 4 lớp đồng thời có chứa lớp kháng khuẩn giúp bảo vệ cơ quan hô hấp và các tác nhân lây nhiễm trong không khí.

5. Thời hạn sử dụng: sản phẩm có hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên nhãn sản phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng:

❖ Hướng dẫn sử dụng:

- Mở bao đựng sản phẩm tại vị trí bầm miệng bao
- Sử dụng đủ các phần trong bộ sản phẩm
- Dùng 1 lần, sau khi sử dụng bỏ chất thải đúng nơi quy định.

❖ Công dụng: Dùng cho nhân viên y tế và cộng sự khi tham gia phòng chống dịch (Ebola, Dịch cúm gia cầm, Covid 19,...)

7. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

7.1. Quy cách bao gói và chất liệu bao gói

- **Quy cách:** 1 bộ trang phục chống dịch được đóng gói trong 1 bao PE gồm:
 - + Mũ, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
 - + Áo, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
 - + Quần, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
 - * (Áo, mũ liền quần)
 - + Giày, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 đôi
 - + Kính bảo hộ: 01 cái

+ Găng tay cao su y tế, vô trùng: 01 đôi

+ Khẩu trang y tế: 01 cái

- **Chất liệu bao gói:** Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao nhựa PE.

7.2 Ghi nhãn: nội dung ghi nhãn theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Trên mỗi đơn vị bao gói phải có nhãn, được in rõ ràng bằng mực không phai ở vị trí dễ nhìn, với nội dung như sau:

➤ **Nội dung ghi trên nhãn sản phẩm:**

❖ **Tên sản phẩm: TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH**

❖ **Thành phần:**

1. Mũ, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái

2. Áo, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái

3. Quần, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái

* (Áo, mũ liền quần)

4. Giày, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 đôi

5. Kính bảo hộ: 01 cái

6. Găng tay cao su y tế, vô trùng: 01 đôi

7. Khẩu trang y tế: 01 cái

❖ **Ngày sản xuất:**

❖ **Hạn sử dụng:** sản phẩm có hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

❖ **Thông số kỹ thuật:** size L

❖ **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm bị rách hoặc hư hỏng

❖ **Hướng dẫn sử dụng:**

- Mở bao đựng sản phẩm tại vị trí bầm miệng bao

- Sử dụng đủ các phần trong bộ sản phẩm

- Dùng 1 lần, sau khi sử dụng bỏ chất thải đúng nơi quy định.

❖ **Hướng dẫn bảo quản:** Nơi thoáng mát, khô ráo, đảm bảo vệ sinh

❖ **Số TCCS:** 03:2020/PT.

❖ **Sản xuất tại** Việt Nam

❖ **Sản phẩm của:** CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG.



- ❖ **Địa chỉ:** Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- ❖ **Điện thoại:** (+84) 235 3 752 666
- ❖ **Website:** <http://phutuongcorp.com>

7.3 Vận chuyển:

Vận chuyển ở điều kiện khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

7.4 **Bảo quản:** Nơi khô ráo thoáng mát.

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2020



ĐÌNH DUY PHÚ



PHỤ LỤC 1: HÌNH ẢNH SẢN PHẨM





PHỤ LỤC 2: NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM

TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH

Thành phần:

1. Mũ, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
2. Áo, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
3. Quần, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 cái
* (Áo, mũ liền quần)
4. Giày, vải không dệt thấu khí 40g/m²: 01 đôi
5. Kính bảo hộ: 01 cái
6. Găng tay cao su y tế, vô trùng: 01 đôi
7. Khẩu trang y tế: 01 cái

NSX:

HSD: Sản phẩm có hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thông số kỹ thuật: size L

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm bị rách hoặc hư hỏng

Hướng dẫn sử dụng:

- Mở bao đựng sản phẩm tại vị trí bấm miệng bao
- Sử dụng đủ các phần trong bộ sản phẩm
- Dùng 1 lần, sau khi sử dụng bỏ chất thải đúng nơi quy định.

Hướng dẫn bảo quản: Nơi thoáng mát, khô ráo, đảm bảo vệ sinh

TCCS: 03:2020/PT

Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: (+84) 235 3 752 666

Website: <http://phutuongcorp.com>

KT3-01640AHD/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/04/2020
 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH**
 2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 Xem hình trang 02/02
 3. Số lượng mẫu : 01
 4. Ngày nhận mẫu : 26/03/2020
 5. Thời gian thử nghiệm : 27/03/2020 - 03/04/2020
 6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG**
Thôn Nông Sơn, Xã Điện Phước, TX Điện Bàn, Quảng Nam
 7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm	
				Quần áo mũ	Giày
7.1 Hàm lượng chì	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,1	KPH	KPH
7.2 Hàm lượng cadimi,	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,01	KPH	KPH
7.3 Hàm lượng antimon	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,02	KPH	< 0,05 (*)
7.4 Hàm lượng asen,	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,02	KPH	KPH
7.5 Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,01	KPH	KPH
7.6 Độ bền kéo đứt	N	ISO 9073-3: 1989	-	50,2	108,8 (**)
• Theo chiều dọc				99,0	64,2 (**)
• Theo chiều ngang					
7.7 Mật độ mũi chỉ may	mũi/10 cm	TCVN 6054 : 1995	-	29	34

Ghi chú: KPH : Không phát hiện

(*) Giới hạn định lượng

(**) Khoảng cách giữa 2 ngàm kẹp là 100 mm

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3



Phạm Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
 3. N/A: không áp dụng. / Not applicable
 4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
 5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn
 E-mail: m-eskh@quatest3.com.vn



TRANG PHÒNG CHỐNG DỊCH

THÀNH PHẦN: 7 KHOẢNG, 1TỖ

- 1. Mũ vải không dệt mẫu KH 40g/m² 01 cái
- 2. Áo vải không dệt mẫu KH 40g/m² 01 cái
- 3. Quần vải không dệt mẫu KH 40g/m² 01 cái
- 4. Giày vải không dệt mẫu KH 40g/m² 01 đôi
- 5. Kính bảo hộ 01 cái
- 6. Băng tay cao su y tế, vô trùng 01 cái
- 7. Khẩu trang y tế M12(Tai)VT 01 cái

SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

CÔNG DỤNG: Dùng cho nhân viên y tế và cộng đồng tham gia phòng chống dịch (Ebola, dịch cúm gia cầm, Chikungunya, Dengue, Sốt xuất huyết, ...)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- 1. Mở bao đựng sản phẩm tại vị trí bán riêng biệt
- 2. Sử dụng sản phẩm theo yêu cầu điều kiện
- 3. Sau khi sử dụng, bỏ chiếc túi đựng nơi qui định

BẢO QUẢN: Nơi thoáng mát, khô ráo, đảm bảo vệ sinh

TIÊU CHUẨN: ISO 9001:2015 - ISO 13485:2016 - TCCS 01:2019/TCCS/TT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÂY PHÙ TƯỜNG
ĐC: THÔN NÔNG SƠN, XÃ ĐIỆN PHƯỚC, THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

TEL: (+84) 235 3752 666
http://phutuongcorp.com/

SỬ DỤNG AN TOÀN BAO GỒI KHÔNG BỊ RÁCH

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office
Testing:

49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai LZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel (84-28) 3829 4274
Tel (84-251) 383 6212
Tel (84-28) 3742 3160

Fax (84-28) 3829 3012
Fax (84-251) 383 6298
Fax (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tin.eskh@quatest3.com.vn
E-mail: tin.eskh@quatest3.com.vn



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-01640AHD0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/04/2020
Trang 01/03

1. Tên mẫu : GĂNG TAY CAO SU Y TẾ
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Xem hình trang 03/3
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 26/03/2020
5. Thời gian thử nghiệm : 27/03/2020 - 03/04/2020
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG
Thôn Nông Sơn, Xã Điện Phước, TX Điện Bàn, Quảng Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No 1, Bien Hoa 1 JZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	
		Lượng gắng thử	Giá trị trung bình
7.1 Lực kéo đứt • 1 • 2 • 3	N TCVN 4509 : 2013	3	9,87 9,46 9,48
7.2 Độ giãn dài khi đứt • 1 • 2 • 3	% TCVN 4509 : 2013	3	640 660 680
7.3 Lực kéo khi giãn 300 %, • 1 • 2 • 3	N TCVN 4509 : 2013	3	1,26 1,16 0,93
7.4 Kích thước, mm • Rộng • Dài • Dày tại các vị trí, a. Ngón tay b. Lòng bàn tay c. Cổ	TCVN 6344: 2007	3	84 255 0,11 0,09 0,07
7.5 Thử lỗ thủng số gắng hư	TCVN 6344: 2007	3	0

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No 7, road No 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Handwritten signature or mark.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

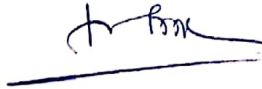
KT3 - 00967AVS0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/04/2020
Page 01/02

1. Tên mẫu : KHÁU TRANG Y TẾ THÔNG THƯỜNG
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
Mẫu đựng trong bao zipper. / *As received sample contained in zipper bag*
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Mẫu thử nghiệm / *Testing sample: 50 g*
4. Ngày nhận mẫu : 26/03/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 27/03/2020 – 01/04/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG
Customer
Thôn Nông Sơn, Xã Điện Phước, TX Điện Bàn, T. Quảng Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*
Test results

PHỤ TRÁCH PTN VI SINH - GMO
HEAD OF MICROBIOLOGY - GMO TESTING LAB.



Trần Thị Ánh Nguyệt

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được trình với $k = 2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :

Test results

1 lớp thứ 3 từ ngoài vào là giấy kháng khuẩn

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả <i>Results</i> (mm)
Hoạt tính kháng khuẩn của mẫu <i>Antibacterial activity of the sample</i>		
7.1. <i>Staphylococcus aureus</i>	AATCC 147 : 2016	T = 25.0 D = 25.0 W = 0.0
7.2. <i>Klebsiella pneumonia</i>		T = 25.0 D = 25.0 W = 0.0

Ghi chú/ Notice:

- W: chiều rộng trung bình của vùng ức chế ở mỗi mép vật liệu, được tính theo công thức $W = (T - D)/2$ (Trong đó T: Tổng chiều rộng của mẫu thử và vùng ức chế, D: chiều rộng của mẫu thử)
W: the average width of clear zone of inhibition calculated by: $W = (T - D)/2$
(in which T: total diameter of test specimen and clear zone in mm, D: diameter of the test specimen in mm)
- Mô tả kết quả: Không có sự xuất hiện của vùng ức chế, có sự tăng trưởng của khuẩn lạc vi sinh vật dưới vùng tiếp xúc / *Describe of results: There is no observation of zones of inhibition. There is growth of bacterial colonies directly under the sample in the contact area.*
- Theo tiêu chuẩn, vật liệu được xem có khả năng kháng khuẩn ở mức chấp nhận được khi không có khuẩn lạc tăng trưởng dưới vùng tiếp xúc của mẫu thử nghiệm.
As stated in the document, to constitute acceptable antibacterial activity, there must be no bacterial colonies directly under the sample in the contact area.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam

C5 lot, KI road, Cat Lai LZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

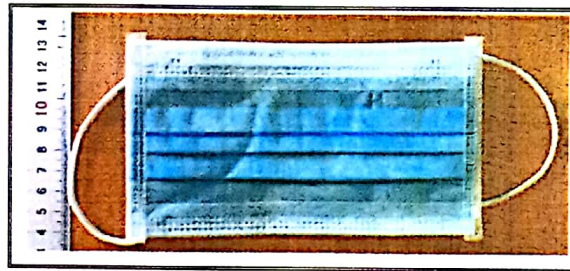
E-mail: tn-eskha@quatest3.com.vnE-mail: tn-eskha@quatest3.com.vn

Số: 00300/N2.20/ĐG/3

Ngày: 01/4/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu giám định: Công ty TNHH May Phú Tường
2. Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3. Số lượng mẫu yêu cầu giám định: 01 mẫu
4. Tên mẫu yêu cầu giám định theo khai báo: Khẩu trang y tế thông thường (màu xanh)
5. Mô tả mẫu yêu cầu giám định: Khẩu trang gồm 04 (bốn) lớp, lớp ngoài cùng – vải không dệt màu xanh dương, lớp thứ hai – vải không dệt màu trắng, lớp thứ ba – giấy màu trắng, lớp thứ tư – vải không dệt trắng.
6. Hình ảnh mẫu yêu cầu giám định:



7. Nội dung yêu cầu giám định : Phân tích hàm lượng của các nguyên tố kim loại nặng gồm Asen (As), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Antimon (Sb) và Cadimi (Cd) có trong vật liệu vải không dệt làm khẩu trang theo quy định tại TCVN 8389-1:2010 – Khẩu trang y tế - Phần 1: Khẩu trang y tế thông thường và đánh giá sự phù hợp theo các mức quy định tương ứng tại tiêu chuẩn này.
8. Giấy yêu cầu và nhận Thâm định/ Giám định số: 00300/N2.20/ĐG ngày 26/3/2020
9. Kết quả giám định : Mẫu khẩu trang yêu cầu giám định nêu trên có hàm lượng của các kim loại nặng gồm Asen (As), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Antimon (Sb) và Cadimi (Cd) trong vật liệu vải không dệt làm khẩu trang phù hợp với các mức quy định tương ứng tại TCVN 8389-1:2010 đối với các chỉ tiêu này.

Ghi chú: - Kết quả giám định nêu trên chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp.
- Không được trích/sao một phần Thông báo kết quả giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3


GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Thị Kim Yến



GIÁM ĐỐC



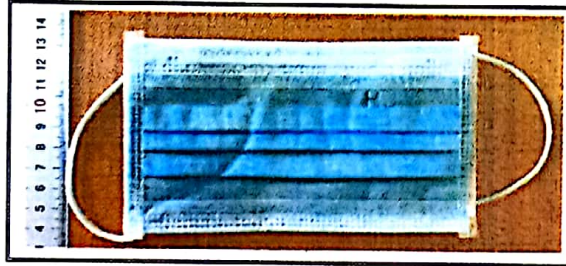
Nguyễn Thái Hùng

Số: 00300/N2.20/ĐG/4

Ngày: 01/4/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu giám định: Công ty TNHH May Phú Tường
- Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Số lượng mẫu yêu cầu giám định: 01 mẫu
- Tên mẫu yêu cầu giám định theo khai báo: Khẩu trang y tế thông thường (màu xanh)
- Mô tả mẫu yêu cầu giám định: Khẩu trang gồm 04 (bốn) lớp, lớp ngoài cùng – vải không dệt màu xanh dương, lớp thứ hai – vải không dệt màu trắng, lớp thứ ba – giấy màu trắng, lớp thứ tư – vải không dệt trắng.
- Hình ảnh mẫu yêu cầu giám định:

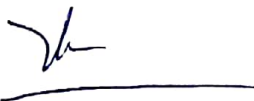


- Nội dung yêu cầu giám định: Phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật của mẫu khẩu trang quy định tại bảng 1, mục 3.4 của TCVN 8389 – 1: 2010 – Khẩu trang y tế - Phần 1: Khẩu trang y tế thông thường.
- Giấy yêu cầu và nhận Thăm định/ Giám định số: 00300/N2.20/ĐG ngày 26/3/2020
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
1	Hiệu suất lọc đối với sương dầu ở chế độ thổi khí 30 lít/ phút	%	18,78
2	Trở lực hô hấp (ΔP), ở chế độ thổi khí 30 lít/ phút	mmH ₂ O	3,37
3	Giới hạn trường nhìn	%	5,10
4	Khối lượng	g	3,63

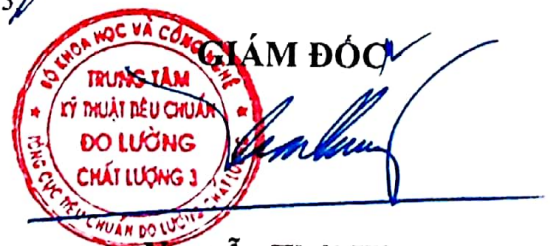
Ghi chú: - Kết quả giám định nêu trên chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
 - Không được trích/sao một phần Thông báo kết quả giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3 //

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Thị Kim Yến

GIÁM ĐỐC



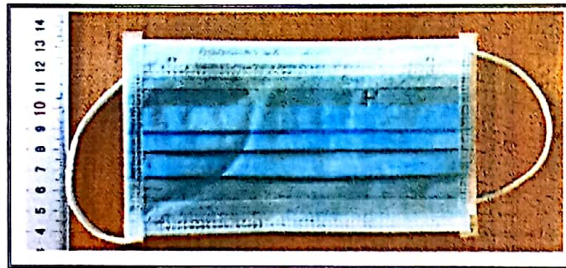
Nguyễn Thái Hùng

Số: 00300/N2.20/ĐG/2

Ngày: 01/4/2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu giám định: Công ty TNHH May Phú Tường
2. Địa chỉ: Thôn Nông Sơn, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3. Số lượng mẫu yêu cầu giám định: 01 mẫu
4. Tên mẫu yêu cầu giám định theo khai báo: Khẩu trang y tế thông thường (màu xanh)
5. Mô tả mẫu yêu cầu giám định: Khẩu trang gồm 04 (bốn) lớp, lớp ngoài cùng – vải không dệt màu xanh dương, lớp thứ hai – vải không dệt màu trắng, lớp thứ ba – giấy màu trắng, lớp thứ tư – vải không dệt trắng.
6. Hình ảnh mẫu yêu cầu giám định:



7. Nội dung yêu cầu giám định : Kiểm tra và đánh giá sự phù hợp của mẫu theo quy định tại QCVN 01: 2017/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.
8. Giấy yêu cầu và nhận Thẩm định/ Giám định số: 00300/N2.20/ĐG ngày 26/3/2020
9. Kết quả giám định : Mẫu yêu cầu giám định nêu trên phù hợp quy định về hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may theo quy định tại QCVN 01: 2017/BCT đối với sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da.

Ghi chú: - Kết quả giám định nêu trên chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp.
- Không được trích/sao một phần Thông báo kết quả giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3/

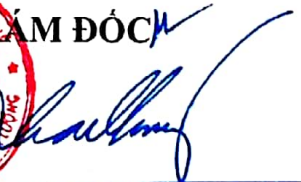
GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Thị Kim Yến



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



KT3-01640AHD0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/04/2020
 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **TRANG PHỤC CHỐNG DỊCH**
 2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 Xem hình trang 02/02
 3. Số lượng mẫu : 01
 4. Ngày nhận mẫu : 26/03/2020
 5. Thời gian thử nghiệm : 27/03/2020 - 03/04/2020
 6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH MAY PHÚ TƯỜNG**
Thôn Nông Sơn, Xã Điện Phước, TX Điện Bàn, Quảng Nam
 7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm	
				Quần áo mũ	Giày
7.1 Hàm lượng chì	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,1	KPH	KPH
7.2 Hàm lượng cadimi,	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,01	KPH	KPH
7.3 Hàm lượng antimon	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,02	KPH	< 0,05 (*)
7.4 Hàm lượng asen,	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,02	KPH	KPH
7.5 Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	Tk-TCVN 8389-1: 2010	0,01	KPH	KPH
7.6 Độ bền kéo đứt	N	ISO 9073-3: 1989	-		
• Theo chiều dọc				50,2	108,8 (**)
• Theo chiều ngang				99,0	64,2 (**)
7.7 Mật độ mũi chỉ may	mũi/10 cm	TCVN 6054 : 1995	-	29	34

Ghi chú: KPH : Không phát hiện

(*) Giới hạn định lượng

(**) Khoảng cách giữa 2 ngàm kẹp là 100 mm

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
 3. N/A không áp dụng. / Not applicable
 4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
 5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 CS lot. K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: m-eskh@quatest3.com.vn
 E-mail: m-eskh@quatest3.com.vn